

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 04**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc
hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc
hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I
thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy
ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
thông qua Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I,*

từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số bình quân mỗi năm giảm 2,5%-3%, trong đó các xã đặc biệt khó khăn bình quân mỗi năm giảm từ 4-4,5%; phấn đấu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

b) 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông xi măng; 90% thôn, xóm có đường giao thông từ xã đến thôn, xóm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 100% số xã có điểm cung cấp dịch vụ internet công cộng phục vụ nhân dân; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

c) Từng bước quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán nhỏ lẻ tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở; xóa bỏ hoàn toàn nhà tạm, dột nát;

d) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường 99,9%, học sinh trong độ tuổi tiểu học duy trì ổn định 100%, học trung học cơ sở 98,8%, người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 95%;

đ) Trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 95% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;

e) Khoảng 63% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số;

f) Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; trên 80% thôn, xóm có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

g) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi : Đề án thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn, xóm đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đối tượng của Đề án

Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh được thực hiện 10 dự án thành phần, bao gồm:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

IV. NGUYÊN TẮC, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc chung

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; tập trung đầu tư cho các xã có điều kiện thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn, các xã, thôn, xóm khó khăn nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, dân tộc thiểu số khó khăn nhất để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025 của Chương trình và các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

c) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

d) Hải hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

e) Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Đa dạng hóa nguồn lực, trong đó ngân sách nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định, ưu tiên vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để hỗ trợ tối đa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; huy động, khuyến khích sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

2. Giải pháp chủ yếu

a) Truyền thông, tuyên truyền về mục tiêu của Đề án; nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp.

b) Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng.

c) Cải thiện điều kiện sinh kế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển sản xuất nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, y tế; bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số.

đ) Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm, đảm bảo các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.

e) Đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

g) Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Đề án

h) Hoàn thiện bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách cụ thể và phù hợp với địa phương.

i) Lãnh đạo, chỉ đạo, hoàn thiện bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án: 9.693,875 tỷ đồng, trong đó:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình: 4.236,931 tỷ đồng;

b) Ngân sách địa phương: 423,693 tỷ đồng;

c) Vốn lồng ghép, huy động các Chương trình, dự án khác: 4.272,727 tỷ đồng;

d) Vốn tín dụng chính sách: 760,524 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện Đề án

Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp trực tiếp, vốn tín dụng chính sách, vốn ODA huy động từ các Chính phủ, tổ chức quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Đối với vốn ngân sách nhà nước ngoài vốn do ngân sách Trung ương cấp trực tiếp, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối từ ngân sách địa phương tối thiểu bằng 10% vốn ngân sách Trung ương cấp trực tiếp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật. Đối với nguồn vốn lồng ghép, huy động các Chương trình, dự án khác (nông thôn mới, giảm nghèo, Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng chuyển dân sông Đà; Vốn huy động từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh (từ các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế,...) có cùng nội dung, phạm vi, địa bàn triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện Đề án.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, phê duyệt Đề án chi tiết để tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Rà soát để tránh trùng lặp, bỏ sót về phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động giữa các chương trình trên địa bàn, đồng thời đảm bảo việc lồng ghép phát huy hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư.

c) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình, Khóa XVII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài Chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ + CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND .

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình